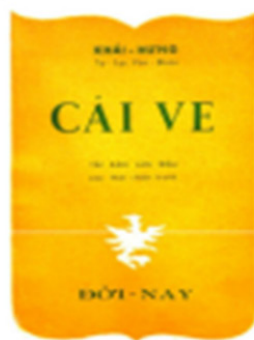




VĂN HỌC



TỰ LỰC VĂN ĐOÀN



NGUYỄN THỊ VINH

VĂN HỌC
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Nguyễn Thị Vinh

MEKONG - USA
xuất bản - 1997

văn học
Tư Lực văn đoàn

Nguyễn Thị Vinh

*Bìa: **N.N***

Nguồn: Internet

*Trình bày: **N.N***

văn học
Tự Lực văn đoàn

NGUYỄN THỊ VINH

*(Trích Tuyển tập Kỷ vật đầu tay và cuối cùng
của Khái Hưng)*

VĂN HỌC
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

NGUYỄN THỊ VINH



Thư Gửi Hai Người Đàn Bà Nổi
Tiếng: Cô Mai Và Cô Loan Của
Tự Lực Văn Đoàn.

Cô Mai và Cô Loan thân mến,

Từ lâu tôi đã có ý muốn viết một lá thư chung cho hai cô, dù hai cô chưa một lần sống ở ngoài đời, nhưng hai cô vẫn mãi mãi sống trong lòng tôi, ít nhất là cho đến khi tôi không còn có mặt trong cuộc sống này nữa.

Đã có một thời mà người ta gọi là Thời Tiền Chiến, hai cô được mọi người yêu mến suốt từ ngoài Bắc vào tới trong Nam. Người này bảo hai cô là nhân vật tiểu thuyết lý tưởng và tiểu thuyết luận đề, người khác lại bảo là tiểu thuyết lãng mạn. Tôi thì tôi nghĩ khác, đành rằng cô Mai có mặt trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Khái Hưng, mang tên Nửa Chừng Xuân, in năm 1934, và cô Loan xuất hiện trong cuốn tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của nhà văn Nhất Linh, in năm 1938, nhưng hai cô thật sự được sinh ra từ đời sống.

Như hai cô biết, dân tộc ta vốn là một dân tộc vô cùng nhân ái, từ cô tiểu thư cành vàng lá ngọc cho tới cô gái nhà quê chân lấm tay bùn, đều có một tình thương yêu vô bờ bến đối với con người, đến độ không cần phân biệt đâu là người ngoài đời với người trong sách vở. Chúng ta thương yêu nàng Kiều không phải vì nàng Kiều có thật trong đời mà vì nỗi đau khổ mà đời đem tới cho nàng Kiều là có thật. Nên tôi có yêu mến hai cô cũng là chuyện thường tình. Ba trăm năm trước, ba trăm năm sau, mỗi khi đọc hoặc nói về Đoạn Trường Tân Thanh, người ta vẫn gọi Kiều là cô Kiều và gọi mẹ cô là bà Vương bởi những người trong sách không bị thời gian chi phối. Mai và Loan cũng vậy, trẻ mãi không già, lúc nào cũng được gọi là cô.

Chính tôi từ nhỏ tới giờ, trong ý nghĩ vẫn cứ đinh ninh có một cô Mai và một cô Loan, bằng xương bằng thịt. Lúc này, hai cô đang sống ở đâu đó quanh hoặc trong lòng thành phố Hà Nội, nếu là người ngoài đời, có thể đã già lắm rồi hoặc biết đâu đã chết trên đường đi tản cư trong chín năm đánh Pháp, di cư, hai mươi năm đất nước chia đôi và từ 1975 đến nay, di dân, di tản, người mình càng có thêm nhiều cách chết.

Ông Khải Hưng in *Nửa Chừng Xuân* năm 1934, năm tôi mới lên mười tuổi, tính đến năm 1994, tuổi của cuốn *Nửa Chừng Xuân* được sáu chục. Nhưng ông Khải Hưng thì đã mất lâu rồi. Người ta đã giam ông tại Trại Hối Thất Chính Trị Phạm Liên Khu 3 ở Lạc Quân (Trực Ninh) rồi sau đó giết ông ở bến đò Cửa Gà thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam

Định năm 1947. Người ta kết tội và thủ tiêu ông Khải Hưng chỉ vì giữa ông với người ta khác nhau cái lối chống Pháp, chỉ vì ông biết người ta mượn tiếng Quốc Gia Dân Tộc ngay từ những năm đầu cuộc Cách Mạng Mùa Thu. Giết một nhà văn lớn của đất nước xong, khi cầm được quyền, họ còn cấm cả cô Mai không được đi đến với bạn đọc. Hai mươi bảy năm sau, 1992, người ta lại cho quay phim *Nửa Chừng Xuân*, bán cả ra ngoài này và tôi cũng đã được xem, vừa xem vừa buồn.

Tôi thấy rõ ràng con người trong sách vở cũng có số phận như con người ngoài đời. Những tang thương của cuộc sống làm cho con người ngoài đời thăng trầm. Thân phận trôi nổi của một cuốn sách kéo theo bao đổi dời của những nhân vật trong nó.

Lạ lòng thay, một trong những cuốn truyện dài của tôi được xuất bản năm 1971 lại mang tên Cô Mai mà mãi cho đến bây giờ, 23 năm sau, trong lúc ngồi đánh máy lá thư này tôi mới nhận ra. Khi viết và đặt tên cho cuốn truyện ấy, tôi chỉ nghĩ đến người chị của tôi, một người có cái tên cũng thuộc vần M. Tôi không muốn dùng tên thật của chị tôi nên đã đặt tên sách là Cô Mai. Đây không hẳn là một sự trùng hợp, cô Mai trong Nửa Chừng Xuân, vẫn đâu đó, sống cùng với tôi ở ngoài đời. Một Cô Mai lúc nào cũng nhớ lời cha “ân cần dặn các con phải giữ lòng được vui vẻ, giữ gìn linh hồn được trong sạch và đem nghị lực ra làm việc”.

Tôi ngờ như đó là lời của Khải Hưng muốn nói với chính mình, rồi gửi tới những người trẻ tuổi cùng thời với tôi. Xưa nay nhiều người cầm bút không

sống theo được những điều tốt đẹp mà họ viết ra, nhưng với phần lớn các nhà văn trong *Tự Lực Văn Đoàn* lớp trước, họ viết ra những điều tốt đẹp mà chính bản thân họ đã sống.

Ngay việc đặt tên Tự Lực cho văn đoàn, ra đời đầu mùa xuân năm 1933, cũng quy tụ toàn những con người có tinh thần tự lực: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng (Trần Khánh Giư), Hoàng Đạo (Tú Ly Nguyễn Tường Long), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ)... Tất cả đều tốt nghiệp Tây học trong thời Tây mà không ai chịu ra làm việc cho Tây. Làm việc cho Tây, lúc ấy mà có bằng cấp, có nghĩa là đi làm quan, vinh thân phì gia.

Thậm chí Khái Hưng, tốt nghiệp trường Albert Sarraut Hà Nội (Ban Cổ Điển) và Nhất Linh, cử nhân khoa học

Paris (Ban Lý Hóa), mà chỉ thích đi dạy học ở trường tư, trường Trung Học Thăng Long Hà Nội, nhất định không đi dạy cho trường nhà nước Bảo Hộ.

Cô Mai và Cô Loan còn nhớ không? Thời mà “trong mỗi người Việt có một ông quan”, Nhất Linh và Khái Hưng lại không muốn làm quan. Khái Hưng vừa dạy học vừa viết các bài xã thuyết và chuyện vui hàng tuần cho tờ báo của Chu Mậu để kiếm sống, trong khi Khái Hưng là con rể của Tổng Đốc Bắc Ninh Lê Văn Đính, tự lực cánh sinh ngay trong đời sống áo cơm hàng ngày. Năm 1923, Nhất Linh, đậu bằng Thành Chung rồi ra làm thông phán sở Tài Chánh, không đầy hai năm, ông bỏ sở rồi quay ra theo học trường Y Khoa, rồi lại bỏ sang trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội. Chưa hết, từ 1926 đến 1930, Nhất Linh học vật lý và hóa học ở

Pháp nhưng vẫn lo nghiên cứu thêm về chính trị, ấn loát, báo chí và hội họa. Là con trai của ông tri huyện Cẩm Giàng, song Nhất Linh suốt một đời chống thực dân và phong kiến.

Tự Lực Văn Đoàn được sáng lập bởi những người như thế, nên mới chỉ trong ngót mười năm trời, từ 1933 đến 1939, *Tự Lực Văn Đoàn* đã gây được một cao trào Dân Tộc *Tự Lực* trong cả hai đời sống văn học và xã hội. Dừng ý niệm canh tân xứ sở để làm giàu cho văn chương và dùng văn chương trong sáng để truyền lòng yêu nước. Rất cần thiết những tiểu thuyết mà người ta gọi là tiểu thuyết luận đề trong bối cảnh nô lệ, mất nước, trình độ dân trí còn thấp, các sĩ phu của thời đại mới không thể nêu cao tinh thần trên lá cờ bằng thơ chữ Hán, giống như Cao Bá Quát: «Bình Dương

Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn, Mục dã, thanh điền hữu Võ Thang». Phải bằng tiếng Mẹ Đẻ, dù ký hiệu ngôn ngữ dựa vào Hán tự (chữ Nôm) hay La Tinh (chữ Quốc Ngữ).

Con đường dễ nhất để xóa nạn mù chữ cho cả một dân tộc vẫn là “chữ Quốc Ngữ chữ nước ta, con cái nhà đều phải học”.

Nhưng chữ Quốc Ngữ như hai cô Mai và Loan thấy đó, nó có mặt ở trang giấy qua bao công sức của những nhà truyền giáo Tây phương, hết Bồ Đào Nha tới Phú Lang Sa, chập chững lên đường trong “Phép Giảng Đạo Tám Ngày” với sự ghi âm và phát âm, cúng lưởi, của người ngoại quốc nói tiếng Việt, “tở tuồng”, khiến người chưa mấy ai tỏ tường.

Tới đầu thế kỷ này, sau bao gian nan
đẻo gọt của nhiều thế hệ, với những người
như Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh
Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh,
Nguyễn Trọng Thuật... đã làm cho tiếng
Việt, ký âm La tinh, tuy gợn gàng phép
tắc, song vẫn chưa lên hàng nghệ thuật
như thời cô Mai và cô Loan, tung hoành
trên mọi dòng tư tưởng.

Chính Tự Lực Văn Đoàn, trước hết
phải kể đến Khái Hưng, ngay trong tác
phẩm đầu tay Hồn Bướm Mơ Tiên (Hà
Nội tháng 5 năm 1933), cũng là cuốn
truyện thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn,
đã như áng thơ xuôi. Nhưng phải tới Nửa
Chừng Xuân (Hà Nội 1934), sau tiểu
thuyết văn vần Truyện Kiều của Nguyễn
Du, hết sức thành công, tiểu thuyết văn
xuôi Việt Nam mới thật sự đứng vững và
hướng đến một chân trời văn học rộng

rãi và trong sáng. Khái Hưng, theo Vũ Ngọc Phan đã viết trong Nhà Văn Hiện Đại, thì: “Hiện nay, nhà văn mà được nam nữ thanh niên ưa chuộng, được họ coi là người hiểu tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có Khái Hưng. Độc giả của ông không phải chị thợ máy diêm hay anh tài vận ô-tô như một vài nhà tiểu thuyết chủ trương những thuyết cạn hẹp và thông thường, độc giả của ông thuộc hẳn hạng thanh niên trí thức, mà trong ấy phần đông là bạn gái. Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam cũng như Alfred de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp xưa”.

Cô Mai và cô Loan thấy hình như ở đây có một điều gì đó mang tính chất mâu thuẫn phải không? Tiểu thuyết lý tưởng là gì? Chính ông Vũ Ngọc Phan đã bảo: “Một tiểu thuyết mà tác giả dựng lên

những cái cao quá, người ở thế gian này không thể nào có được”. Trong khi Nửa Chừng Xuân cũng lại được ông Vũ Ngọc Phan và nhiều người khác xếp vào loại tiểu thuyết lý tưởng. Vậy mà đối với đám đông thanh niên nam nữ, ít nhất suốt hai thập niên 30, 40, đã coi Khái Hưng “là người hiểu tâm hồn họ hơn cả”.

Phải chăng tuổi trẻ thời trước, cách đây trên nửa thế kỷ, sống với những tâm hồn đầy lý tưởng? Lý tưởng thường nằm trong ước mơ muôn thuở của con người về những gì tươi sáng đẹp đẽ, đạo đức và cao thượng, đôi khi tưởng chừng như không tưởng, khó có thể hoặc không có thể xảy ra trong cuộc sống.

Những người yêu nhau trong tiểu thuyết lý tưởng thường không giống những cặp tình nhân yêu nhau trong tiểu thuyết tả chân xã hội. Loại sau được

người ta xem là gần gũi hoặc giống như ngoài đời. Người ta nói Cô Mai là một người đàn bà lý tưởng, từ đầu cho tới cuối cuốn *Nửa Chừng Xuân*, cô sống theo lời cha dặn «phải giữ lòng được vui vẻ, giữ gìn linh hồn trong sạch và đem nghị lực ra làm việc».

Cô Mai không sống cho mình, ai giúp cho em trai của cô Mai tiếp tục ăn học, người đó là ân nhân của cô và cô có bốn phận phải trả ơn. Lộc còn cứu Mai thoát khỏi gã cường hào Hàn Thanh ở thôn Xuân Đình. Cô Mai đã lấy Lộc, lúc đó anh đang làm Tham Tá ở Hà Nội và cũng là bạn thời thơ ấu của Mai. Sau đó, dù hết lòng yêu quý chồng, ngay trong lúc bụng mang dạ chửa cô cũng bỏ ra đi trong hoàn cảnh không một xu dính túi. Vì sao? Không muốn để cho bà Án, mẹ của Lộc, xúc phạm hơn nữa tới danh dự

gia đình nhà mình. Ngay khi cụ Tú vừa mới mất, cảnh nhà sa sút, thà phải bán ngôi nhà ở Thạch Lỗi, chứ không chịu nhờ vả họ hàng, để ra làng Bưởi Hà Nội thuê một căn nhà lá cho Huy, em trai của cô Mai được ở gần trường học. Huy tính thôi học, kiếm việc làm, có tiền giúp chị nhưng trước sau cô Mai đều gạt đi.

Trong *Nửa Chừng Xuân*, cô Mai là người tốt, và những người cô gặp cũng đều tốt: Người cha tốt, người em ngoan, người lão bộc vui buồn theo nỗi vui buồn của cô tiểu chủ, người bà con là ông bà Phán ở phố Huế cũng sẵn lòng giúp đỡ, bà Cán vui lòng nhường cả gánh quà bánh mà bà đang bán trước cổng trường Bưởi cho Mai để chị em cô kiếm sống, bác sĩ Minh ân cần săn sóc thuốc men cho Huy mà không lấy tiền, họa sĩ Bạch Hải bị Mai khước từ tình yêu, vì

đời Mai chỉ yêu có một người. Khi gặp Lộc, họa sĩ Bạch Hải thành thật nói tốt về Mai. Vây quanh cô Mai chỉ vài người xấu: Hàn Thanh, bà Án, và Lộc.

Nhưng dưới ngòi bút của Khái Hưng, ngay cả những con người xấu nhất trong truyện cũng được ông nung tay: Lộc nhờ người giả làm mẹ mình đến hỏi cưới Mai vì quá yêu Mai và biết chắc rằng bà Án, mẹ của Lộc, chẳng bao giờ chấp thuận một cuộc hôn nhân không «Môn đăng hộ đối». Lộc còn biết sợ chị em Mai khinh mình nên đã về nhà nói hết cho bà Án biết. Lộc không đòi bắt con về theo như ý mẹ anh muốn. Sau cùng, Lộc xin Mai tha thứ và sẵn sàng bỏ công danh sự nghiệp, bỏ cả vợ là con gái cụ Tuần. Bà Án từng làm khổ bao người khác trong *Nửa Chừng Xuân*, nhiều lần dùng «kế ly gián» khiến cho cả Lộc lẫn Mai đều hiểu

lầm và nghi ngờ nhau, cũng được tác giả coi như là nạn nhân của những tập quán cổ truyền mà việc bảo vệ gia phong là hệ trọng. Bà Án muốn bắt cóc Ái, con của Mai và Lộc, cũng chỉ vì muốn có cháu nối dõi tông đường. Tình yêu của hai người, ở cuối cuốn sách, trở nên lý tưởng cao thượng: Lộc say sưa với những công việc xã hội. Mai bằng lòng ở vậy dù tuổi đang độ *Nửa Chừng Xuân* dù trong lòng cô vẫn yêu anh Lộc tha thiết. Cô sợ hai người trốn đi xây dựng hạnh phúc riêng sẽ làm khổ thêm những người thân của Lộc và cô.

Cô Mai thân yêu, người đọc thuộc giới bạn gái có học bây giờ khó có ai khóc theo từng trang sách *Nửa Chừng Xuân*, thương cảm theo từng bước chân thăng trầm của cô và cô Loan trong *Đoạn Tuyệt* như thời tôi mới lớn. Thời mà

ngay trong các thành phố vẫn nhiều nhà không muốn cho con gái đi học sợ biết chữ rồi sẽ viết thư cho trai. Đánh răng trắng, uốn tóc, mặc áo dài Lơ Muya của họa sĩ Cát Tường, đã trở thành cô “gái tân thời”, còn xa lạ với đám đông. Con trai ở nhiều vùng quanh Hà Nội còn rụt rè khi phải cắt tóc ngắn.

Những hủ tục của bao đời phong kiến lạc hậu, tới thập niên 30, không chỉ ở trong lũy tre xanh mà còn tung hoành mọi ngõ ngách ngoài thành phố. Nơi nào thì vai trò của chị em bạn gái chúng ta cũng bị xem thường bởi quan niệm trọng nam khinh nữ. Càng bị khinh hơn nữa nếu là con gái nhà nghèo. Thân phận người đàn bà suốt đời lệ thuộc, phục tùng đàn ông: Cha, chồng và con trai, tùy theo lúc còn ở nhà, đi lấy chồng hay khi chồng chết.

Văn học Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp thuộc, cuốn hút thanh niên nam nữ vào vòng say mê không phải với mục đích cốt chứng tỏ tài năng văn chương, thi ca của các nhà văn và nhà thơ cộng tác, cũng không nhằm viết làm sao cho sách bán chạy bằng những tác phẩm mà sau này người ta gọi là “lãng mạn thời tiền chiến”. *Văn Học Tự Lực Văn Đoàn* chính là cơn bão táp dию dàng, từ tốn quét dần những rác rưởi vây quanh đời người phụ nữ Việt Nam, giúp cho họ nhận ra và đòi lại quyền làm người bình đẳng. *Văn Học Tự Lực Văn Đoàn* chính là con sóng ngầm, lặng lẽ dưới mặt nước xã hội êm ả, bất ngờ hất tung lên sức mạnh của lòng ái quốc, làm chòng chành hoặc lật úp những con thuyền cầu an, mà trên đó bao thế hệ thanh niên đang bị ru ngủ bởi trường Bảo Hộ và trường Hậu Bô,

sống nô lệ: cố học thành tài chỉ để ra làm quan, làm tay sai cho giặc.

Người nữ trong văn chương Khái Hưng, cô Mai, tiêu biểu cho một lực lượng yếu thế vùng đứng dậy, sống tự lập với những phẩm chất tốt đẹp của con người nói chung, nam hay nữ cũng là người như nhau. Qua *Nửa Chừng Xuân*, người nữ sống thành kiến, hẹp hòi và cố chấp chỉ có mình bà Án, điển hình cho nếp sống cũ. Những người nữ nhân hậu, đảm đang, ngoài cô Mai ra, còn có cô Diên, chị Trọng, bà Cán.

Cuộc tranh chấp trong *Nửa Chừng Xuân* không chỉ giữa mới với cũ mà cao hơn thế: Giữa đúng với sai, tốt và xấu, thiện và ác, ích kỷ và vị tha, sự thật và dối trá. Mai chống lại việc một người đàn bà phải đi làm lẽ, ngay trong lòng

một xã hội phụ quyền và đa thê, mà biết bao người phụ nữ khác cũng đồng ý “tài trai năm thê bảy thiếp”. Trước sau cô vẫn nói với bà Án: “Bẩm bà Lớn, nhà con không có mả đi lấy lẽ”. Huy ghét Lộc vì Lộc nhờ người giả làm bà Án để lừa dối Mai. Mai đã khiến cho Lộc nhận ra trách nhiệm của một người có học đối với đất nước, đối với nhân quần xã hội. Một người thanh niên mất nước không thể sống chỉ biết có thân mình, gia đình mình. Nếu không, bao vốn liếng học thức cũng chỉ trở thành những phương tiện tốt nhất trong việc mưu cầu địa vị, áo cơm. Huống hồ càng cao địa vị trên đường hợp tác với Tây, càng nặng tội phản dân, hại nước.

Dũng hay Lộc, Nhất Linh hay Khái Hưng? Nhân vật tiểu thuyết hay tiểu thuyết gia? Sách vở hay cuộc đời? Cô Mai

và cô Loan ạ, tôi chưa thấy có sự tách biệt nào cả. Tất cả đều trộn vào nhau, trong một giai đoạn lịch sử từ trong bóng tối lần ra ánh sáng, thành loại văn học mở mang dân trí.

Khi đất nước được sống trong tự chủ và hòa bình, dân tộc ta có thể sẽ đòi hỏi một dòng văn học khác, không giống như dòng văn học Tự Lực Văn Đoàn đã thể hiện. Cô Mai và cô Loan chắc sẽ buồn nếu biết chuyện này: Giờ đây, 60 năm sau ngày Tự Lực Văn Đoàn ra đời, có một số nhà phê bình văn học, chuyên nghiệp hoặc tài tử, lại có ý tiếc rằng văn chương Tự Lực Văn Đoàn hiền lành, dung dị quá và tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết lý tưởng là chiếc khung, chiếc lồng chật hẹp khiến các nhà văn không thả sức tung hoành được.

Nhưng từ thập niên 50 tới nay, 40 năm qua, nhiều trường phái văn học ra đời ở nước ta với mọi khuynh hướng, trào lưu... nếu thành công cũng chỉ có thể thành công trong địa hạt sáng tạo và thưởng ngoạn hoặc đánh dấu những khúc quanh trong văn học sử. Văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa kiểu cộng sản trên thực tế, không những làm triệt tiêu tài năng sáng tạo mà còn làm cho nhà văn và người đọc chìm đắm trong chính sách ngu dân. Phần khác, chỉ là bản sao vụng về của văn học phương Tây. Cuối cùng, những dòng văn học nêu trên không thuyết phục được cảm quan «dân tộc tính» vốn rất bén nhạy của người đọc. Chúng phải dùng đến sự cưỡng bách chính trị hoặc tha hóa để có đám đông người đọc nhất thời.

Ngoài Bắc, họ phải đọc những loại như Ruồi Trâu và Thép Đã Tôi Thế Đây... Trong Nam, họ thường đọc các tác giả ngoại quốc, phổ biến như Mùa Thu Lá Bay cùng Tiểu Ngạo Giang Hồ. Dòng văn chương ngoại nhập ấy nếu có hay cũng không phải là cái hay của văn học nước mình. Chưa kể nhiều nội dung của những cuốn sách khác, do lựa chọn sai và dịch vội vàng, còn làm hại cho tinh thần yêu nước của thanh niên nam nữ. Khi văn học dân tộc suy đồi, đất nước ắt phải suy vong, nếu không thế, đấy mới là điều chúng ta đáng ngạc nhiên, cô Mai và cô Loan nghĩ có đúng không?

Ngay từ khi nhận tờ Phong Hóa do Phạm Hữu Ninh giao lại, năm 1932, với tư cách là Giám Đốc kiêm Quản Lý, Nhất Linh đã tính tới việc tập hợp một số nhà văn, nhà thơ cùng chí hướng

chống phong kiến, chống thực dân, phổ biến những quan niệm nhân quyền và dân quyền, trình bày những kinh nghiệm về tiến bộ cá nhân, gia đình và xã hội, đặc biệt là khơi dậy lòng yêu nước của người mình. Năm 1936, Phong Hóa bị đóng cửa, tờ Ngày Nay do Nguyễn Tường Cẩm điều khiển lại nhanh chóng ra đời, tờ nào cũng đông bạn đọc khiến cho thực dân Pháp lo sợ trước tầm ảnh hưởng ngày càng lan rộng của Tự Lực Văn Đoàn. Nên tới năm 1939 thực dân Pháp lại ra lệnh đóng cửa nốt tờ Ngày Nay.

Tám năm, hai tờ báo, một nhóm người mà âm vang của lòng yêu nước và yêu tiếng mẹ đẻ tới ngày nay chưa tắt. Mất nước vừa nhục vừa khổ, viết văn làm báo bảo nhau đòi quyền làm người, bằng tiếng nói trong sáng dễ hiểu, văn

học vì thế mà có sức mạnh. Việc ấy vô cùng tai hại cho giấc và cũng thật mỉa mai cho ta, khi hai miền đất nước thời chia cắt, đều về tay người mình cai trị thì ở ngoài Bắc, tuyệt đối, không một tờ báo hay giai phẩm nào của tư nhân được xuất bản. Còn trong Nam, Nhất Linh không được cấp giấy phép ra báo! Ngày 17 tháng 6 năm 1958, Văn Hóa Ngày Nay số 1 ra đời dưới hình thức “Giai Phẩm”, một loại báo không chính thức, cơ quan kiểm duyệt bằng lòng số nào, số ấy mới được in. Chưa đầy một năm sau, ngày 11 tháng 5 năm 1959, Giai Phẩm Văn Hóa Ngày Nay bị đình bản, Nhất Linh viết truyện Cô Mùi dang dở cũng dở dang luôn. Cô Mùi của Nhất Linh nằm trong bộ trường giang tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, gồm Người Chiến Sĩ, Nhà Mẹ Lê, Kẻ Sát Nhân, Cậu Ấm và Ông Năm Bụng.

Từ cô Loan của *Đoạn Tuyệt*, gái tân thời ở phố Hàng Chiếu Hà Nội đến cô Mùi của Xóm Cầu Mới, gái phố Huyện Cẩm Giàng Hải Dương, là khoảng thời gian tan tác, mất mát của Tự Lực Văn Đoàn. Mất Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng, những người khác như Tú Mỡ, Thế Lữ... ra đi khỏi Tự Lực Văn Đoàn cho tới lúc họ chết hẳn. Bên cạnh Nhất Linh, sau năm 1954 ở miền Nam, chỉ còn mỗi một tay cự phách của Tự Lực Văn Đoàn xưa, Nguyễn Gia Trí, nhưng ông là người chỉ cầm cọ, không cầm bút. Nhất Linh không cô độc nhưng ông cô đơn.

Những người tiếp tay ông sau này đều đã chia xẻ cùng ông những khó khăn về cả hai mặt khách cũng như chủ quan trong việc sáng lập nhà xuất bản Phượng Giang, làm giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay, củng cố lại Tự Lực Văn Đoàn.

Miền Nam khi ấy có nhiều nhà văn tài hoa nhưng lại ít người cầm bút có ý thức mạnh mẽ về mối tương quan văn hóa chính trị trong xã hội. Cùng lúc họ phải đương đầu, trên trận tuyến văn hóa, văn học, với hai chế độ độc tài ở hai miền đất nước, bên nào cũng do người Việt nắm quyền mà phía nào cũng không thấy được tầm chiến lược, hết sức sinh tử, của văn hóa, văn học Quốc Gia Dân Tộc.

Trong bối cảnh đó, Cô Mùi lạc lõng với chính mình cùng những kỷ niệm ngày xưa nơi một phố huyện miền Bắc. Cô Mùi là quá khứ của hiện tại cuối thập niên 50. Người Quay Tơ là quá khứ của quá khứ, có mặt từ năm 1927, ngày nay càng không gây được ấn tượng gì trong lòng người đọc.

Nhưng cô Loan là chính hiện tại của thời cô, thập niên 30, cô nghĩ, nói và làm

thay cho bao người cùng thế hệ với cô và cùng họ hướng đến tương lai. Vì thế, cô Loan ạ, cô là hiện thân của những niềm mơ ước, hy vọng của chị em bạn gái chúng tôi ngày trước. Người mà ngày đó đa số bạn gái mong muốn gặp được ở ngoài đời thì cô Loan trong sách vở đã gặp. Dũng, một thanh niên có học thức, tâm hồn phóng khoáng, thích đời sống tự lập và sẵn sàng bỏ nhà đi làm cách mạng. Trước hết, chúng tôi thích thú là vì người thiếu nữ trong Đoạn Tuyệt được đi học... Trong sâu thẳm của tâm hồn bạn gái chúng tôi, một phần nào ảnh hưởng xa gần của nền văn học tự do Pháp, nhưng phần lớn chúng tôi hãnh diện về những nhân vật lịch sử xa như Bà Trưng, Bà Triệu, những nhân vật lịch sử gần như cô Giang, cô Bắc.

Hàng ngày chúng tôi biết đau lòng, xấu hổ và tức giận trước những cảnh chà đạp, hành hạ phụ nữ, chồng chúa vợ tôi cùng các tấn thảm kịch mẹ chồng đánh ác, cay nghiệt. Giới phụ nữ chúng tôi trong xã hội yếu đuối càng thêm nhu nhược vì tối tăm, tối tăm vì không được đi học. Các bạn gái thời này không cách nào hình dung nổi cảnh “cha mẹ đặt đầu con ngồi đó”, bất công, tàn nhẫn và vô lý tới chừng nào, cô Loan phải lấy Thân, con trai bà Phán Lợi, để mẹ cô trừ một món nợ cũ. Dù Thân là một thanh niên nhu nhược, thô lỗ và ít học nhưng Thân còn là một con người. Nhiều trường hợp khác, các cô gái còn phải lấy những kẻ bất thành nhân dạng, tàn tật tâm hồn vì cha mẹ gả bán, chống lại là bất hiếu. Người phụ nữ, một con người, chỉ được coi như món hàng hóa, món đồ vật đắt hay rẻ để người ta trao đổi với nhau vì

nhu cầu kinh tế, thuận mua vừa bán. Khi bị chống bạc đãi, đuổi đi thì pháp luật không bảo vệ mà dư luận còn chê cười, nhục mạ.

Trong *Nửa Chừng Xuân*, bà Ân bảo thẳng cô Mai: “Này cô phải biết. Con đường tương lai của thằng Lộc còn dài. Thế nào nó cũng xuất chính nay mai. Tôi hỏi con quan Tuần tỉnh kia là người có thể lực cho nó, là tôi đã xét kỹ lắm. Quan Tuần còn trẻ, bước hoạn đồ còn dài, sau này con tôi tắt nường tựa vào bố vợ, mới mong chóng thẳng quan tiến chức được. Nếu trái lại, tôi để nó tự kết hôn với cô, thì không những nó mất chỗ nường tựa, mà còn bị mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nốt xấu trong lý lịch”. Qua *Nửa Chừng Xuân*, chúng tôi vẫn thương hại bà Ân, nếu bà được đi học, dù chỉ học một môn

lịch sử thôi, bà sẽ hiểu “con đường tương lai còn dài” của anh Lộc khi “xuất chính” là thế nào và “nuông tựa vào bố vợ” để không có “nốt xấu trong lý lịch” là thế nào.

Chính những người như cô Mai và cô Loan đã nói lên ý nghĩ thay chúng tôi, hai cô đã làm giùm chúng tôi những điều chúng tôi không làm nổi ở ngoài đời.

Đoạn Tuyệt, không phải như một số người nhận định, chỉ là biểu tượng của cái mới chống cái cũ, của chủ nghĩa cá nhân chống chủ nghĩa tập thể hoặc chế độ gia trưởng đại gia đình, mà nó còn thể hiện bao khát vọng của nam nữ thanh niên thời đó: Sống tự lập để tranh đấu cho nền độc lập của đất nước. Qua *Đoạn Tuyệt*, chúng tôi cũng vẫn thương hại bà Phán đã nhờ lão thầy bùa ở Ô Cầu Giấy chữa bệnh cho cháu nội mình bằng

tàn nhang, nước thải chỉ vì bà thiếu kiến thức phổ thông.

Những người như thế lại là những người nắm quyền hành độc đoán bên trong gia đình, quyết định số phận cho từng thành viên một của gia đình. Bên ngoài xã hội mà người cầm đầu vừa chuyên chính vừa thất học hoặc ít học thì chắc chắn đất nước phải triển miên loạn lạc, dân tộc kéo dài làm than. Qua lời bà Án nói với cô Mai đã vẽ lên một phần bức tranh xã hội triều Nguyễn thuộc Tây. Nhưng trong gia đình mà cô Loan còn biết nghĩ thầm: “Học thức mình không kém Dũng, sao lại không như Dũng, sống một đời tự lập, cường tráng, can chi cứ quanh quẩn trong vòng gia đình yếu ớt, sống một đời nương dựa vào người khác để quanh năm phải kình địch với một sự cổ hủ mà học thức của

mình bắt mình ghét bỏ. Mình phải tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình”.

Tự Lực Văn Đoàn không có tuyên ngôn, nhưng nếu cần, tôi nghĩ đoạn văn trên đây là tuyên ngôn của tinh thần tự lực. Vậy thì ở ngoài xã hội, những người trí thức, những người học thức nói chung và giới văn nghệ sĩ nói riêng, ngày hôm nay, tại sao phần lớn không nghĩ việc “tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình” mà cứ phải “quanh năm phải kinh địch với một sự cổ hủ mà học thức của mình ghét bỏ” nhất là thứ hủ tục độc tài, độc đảng, chuyên quyền và bạo lực?

“Tạo ra một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của mình” chính là khái niệm cách mạng, thay đổi một hoàn cảnh hiện có cùng những quan niệm cũ về cuộc

sống và con người, về đất nước và dân tộc. Thế hệ thanh niên nam nữ thời Tự Lực Văn Đoàn, kể cả các nhà văn, nhà thơ, nhà báo lẫn bạn đọc, trước hết đã phá vỡ thứ nhà tù tư tưởng gần hết thập niên 30. Tiếp đó, từ Ngày Nay, không những chỉ là cơ quan ngôn luận của Tự Lực Văn Đoàn mà còn là tiếng nói chung của thanh niên, của nhiều người yêu nước. Tiếng nói ấy bị dập tắt năm 1939, năm khởi đầu thế chiến lần thứ hai, tình hình trong và ngoài nước sôi động những biến chuyển chính trị và kinh tế. Hoàn cảnh mới đã đến, Nhất Linh, Khái Hưng và các nhà văn khác trong nhóm khi cầm bút thì hành động của họ có tên là Tự Lực Văn Đoàn, tới lúc này tất cả hầu như đều buông bút để cầm súng, thì hành động của họ lại có tên là Đại Việt Dân Chính thoát thai từ đảng Hưng Việt do Nhất Linh thành lập năm 1938.

Cùng với toàn dân, họ muốn nhanh chóng tìm đường chuyển ngôi nhà Việt Nam, ra khỏi bóng tối của nô lệ, nghèo đói và dốt nát, như họ đã khởi công xây dựng tập đoàn Ánh Sáng để làm nên những ngôi nhà thoáng mát, rẽ tiền cho giới bình dân ở Bãi Phúc Xá Hà Nội năm 1937.

Sau này, năm 1958, tờ giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay bị đóng cửa, mất gần hết những người bạn chiến đấu xưa, Nhất Linh vẫn như năm 1939, lại ngưng bút và vẫn lao vào cuộc chiến chống độc tài, áp bức. Cuối cùng, việc không thành. Nhất Linh không chấp nhận trát tòa và cả chế độ gia đình trị, ông uống thuốc độc và mất tại nhà riêng đêm 7 tháng 7 năm 1963, thọ 58 tuổi. Như một nhà tiên tri, qua lá thư tuyệt mệnh, viết rất ngắn, ông đã thấy trước số phận của nước ta.

“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xét xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội các phân tử đối lập quốc gia là một tội nặng nề sẽ làm mất nước về tay cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do”.

Như cô Mai và Loan đã biết, các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn, thời Pháp không “xuất chính” theo cách nói của bà Án, không “tham chính”, hoặc “làm chính trị” theo cách nói của thời này. Việc họ đã thành lập đảng Hưng Việt (1938), Đại Việt Dân Chính (1939) và Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết (1960), đối với họ, những hình thức tập hợp này chẳng qua cũng chỉ cốt mong sao cho đất nước được sớm tự do, dân chủ, hỗ trợ cho công cuộc xây dựng văn hóa Dân Tộc và Nhân Bản.

Cô Mai và cô Loan ạ, theo chỗ tôi được biết, vì tôi là một trong những người thuộc Tự Lực Văn Đoàn lớp sau: Các thành viên của Tự Lực Văn Đoàn lớp trước, nhất là Nguyễn Gia Trí và Nhất Linh, đều hiểu rằng: Bất cứ một lực lượng chính trị, quân sự và kinh tế nào ở nước ta, nếu không có quốc tế hậu thuẫn đều thất bại. Nhưng quốc tế là ai? Nếu không phải là thực dân Pháp, cộng sản Nga và Tàu thì cũng là tư bản Mỹ đã nhúng vào Việt Nam, thông qua những chân tay của chúng. Nhưng tinh thần Tự Lực, mà các văn nghệ sĩ, nuôi dưỡng từ thời còn đi học, từng gửi gắm vào văn chương, toát ra ngoài cuộc sống khiến họ không thể nào làm khác hơn được. Nhiều người bảo họ không biết “làm chính trị” hoặc “chính trị tay mơ” cũng là vì thế.

Cho đến lúc mất, mỗi người trong họ, vẫn nguyên vẹn là người nghệ sĩ lớn lao, không chỉ vì sự nghiệp mà còn vì suốt đời phục vụ quê hương, sáng ngời tấm gương Tự Lực.

Chẳng phải riêng thời cô Loan mới có cảnh con cái không được bày tỏ ý nghĩ của mình, với cha mẹ, mà ngày nay vẫn còn đâu đó, một số không nhỏ các bậc sinh thành không chấp nhận cho con cháu được có ý nghĩ khác với họ, từ việc học hành đến chuyện hướng nghiệp. Nhiều người vẫn còn quan niệm hể “con cãi cha mẹ” là “trăm đường con hư”, họ sống ở thời này với một tâm hồn tựa như bà Hai, mẹ của cô Loan, ở phố Hàng Chiếu Hà Nội trong những năm 30.

Những ai giống hệt bà Hai không bao giờ hài lòng với câu nói sau đây của cô Loan: “Thưa thầy mẹ, thầy mẹ cho con

đi học, thầy mẹ không cư xử với con như con vô học được nữa. Không phải con kiêu ngạo gì, đó là một sự dĩ nhiên. Lỗi ấy không ở con. Phân biệt phải trái với bố mẹ không phải là bất hiếu như con tưởng”.

Tinh thần gia trưởng ấy, ngày nay còn tệ hại hơn nhiều, nó vượt ra khỏi ngưỡng cửa mỗi nhà để trở thành tầm vóc quốc gia. Toàn dân được xem như con cái không được có ý nghĩ khác với cha mẹ là nhà cầm quyền.

Gia phong xưa theo lối bà Án, bà Hai, bà Phán Lợi ở Ấp Thái Hà nay đã trở thành kỷ cương, giềng mối mới của quốc gia. Không một thành phần nào, không một thành viên nào của đại gia đình dân tộc Việt Nam được quyền, được phép suy nghĩ khác với các bậc “phụ mẫu chi dân” của thời hiện đại.

Cô Loan, sau khi bà Hai chết đi cùng với tư tưởng chuyên quyền của bà, đã thành công trong cuộc cách mạng gia đình của chính cô. Cái khó khăn lớn lao của cô Loan là phải đối kháng với chính người mẹ thân yêu của mình. Nhưng chúng ta ngày nay vẫn chưa thành công trong cuộc cách mạng xã hội mặc dù cái dễ dàng to tát của chúng ta là chiến đấu với bè đảng nắm quyền mà chúng ta không bao giờ cho phép chúng là cha mẹ của toàn dân cả.

Hướng đến một xã hội dân chủ nhưng nhân dân không cần đầy tớ, vì mọi người đều làm chủ đất nước. Nhân dân cũng không cần ai lãnh đạo, chính toàn dân tự lãnh đạo mình, thông qua hiến pháp dân chủ và các đại biểu thi hành theo nhiệm kỳ dân cử. Việc lựa chọn một tư tưởng chỉ đạo cho cả quốc

gia là việc vô cùng hệ trọng, ảnh hưởng đến sinh mệnh dân tộc, không thể để mặc cho một người hay nhóm người, kết thành bè đảng, áp đặt và thao túng.

Cô Loan ạ, chúng tôi đôi khi có thể tạm chấp nhận vì thông cảm cho Thân, một người nhu nhược, mặt khác cũng chỉ vì anh muốn giữ chữ hiếu theo quan niệm xưa, khi Thân không dám chọn cuộc đời tự lập và đã nói với cô: “Tôi đã bảo mợ đừng nhắc đến nữa. Thấy mẹ không cho phép. Không những thế, mẹ lại còn giận mợ nữa đấy, mẹ giận lắm”. Chúng tôi nghĩ ngợi nhiều về hai câu đối thoại ngắn sau đây:

– Giận về có gì cậu?

– Có mợ tự tiện...

...

Ngày nay ở trong nước ta, ngay cả các bậc thức giả, các văn nghệ sĩ, các nhà trí thức, bác học cũng không được “tự tiện” hay “tùy tiện” suy nghĩ theo ý mình nếu đảng và nhà nước “không cho phép”.

Cô Loan thân mến, tôi tin rằng gần như toàn dân Việt Nam, nhất là giới trí thức, trong và ngoài nước, cũng “không cho phép” ai được quyền “không cho phép” giới trí thức tự lực tìm kiếm một giải pháp cánh sinh cho dân tộc. Không có đất nước độc lập khi dân tộc còn nô lệ tư tưởng! Dân tộc còn nô lệ tư tưởng khi mà giới trí thức, bao gồm các nhà chuyên môn mọi ngành, còn tin tưởng và phó mặc việc đảm đương đất nước cho các nhà chính trị mà những người này phần lớn, ngay cả khoa chính trị học, họ cũng không chuyên môn. Họ chỉ chuyên môn ra lệnh thôi!

Khi người cầm quyền chính trị mang cái sở đoản của mình ra để lãnh đạo chỉ huy các ngành chuyên môn, vốn là sở trường của giới trí thức liên hệ, thì điều gì sẽ xảy ra? Đó là tấn bi hài kịch trong đó bọn dốt nát lại cầm đầu những người giỏi giang. Bà Phán Lợi không biết gì về y khoa nên bùa chú cùng tàn nhang nước thải đã giúp bà giết chết ngay đứa cháu nội thân yêu của bà. Tích cực cộng với sự ngu dốt thành ra phá hoại, thành ra giết người. Cả nước chúng ta không lẽ cam chịu mãi một số phận như thằng cháu trai, con của cô Loan? Giữa tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn thời xưa và cuộc đời thực hôm nay nào có chi khác nhau? Sách vở như thế thường trở thành những tấm gương in hình đời sống đồng thời phản ánh tâm hồn của những người làm gương.

Những tấm gương được làm ra bởi lòng yêu nước, soi rọi hình ảnh ngôi nhà Ánh Sáng cùng các áng văn chương trong sáng là hai đặc tính nổi bật của Tự Lực Văn Đoàn thời cô Mai và cô Loan đang nổi tiếng như sóng cồn.

Cô Mai và cô Loan thân mến,

Trước khi dùng bút, tôi mong rằng: Đất nước ta không còn bị những tâm hồn yếu đuối như Thân và tinh thần tự lực nơi mỗi người, sẽ trở thành sức mạnh chung, giúp chúng ta quét sạch cái chế độ thối làm gia trưởng của toàn dân. Chế độ ấy càng tồn tại, càng làm khổ dân mình. Không lẽ chúng ta cứ phải ngâm mãi câu thơ sau đây của Trần Tế Xương: “Sách vở ích gì cho buổi ấy, văn chương rồi cũng thế thôi mà?”

Như một con người, mỗi cuốn sách cần phần tươi tốt của nội dung tức là vẻ đẹp tâm hồn bên cạnh vẻ đẹp của thể chất là giọng văn và cách kể chuyện. Sáu mươi năm sau ngày Nhất Linh viết ra những câu văn sau đây, giờ đọc lại, cô Loan và cô Mai ạ, chúng tôi còn thấy được nét đẹp của quê hương, nhất là mỗi khi xa nhà:

“Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm, như một giấc mộng: mấy cây thông ở đầu hiện nhà đứng đợi gió... Ngoài kia ánh nắng vàng của buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn quê rải

rác dưới chân đồi, hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thổi cơm chiều ở một vài nhà gần không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám mây màu lam ôm ấp lấy các mái nhà tranh”.

Đọc đoạn văn trên, tôi thấy đẹp và thấy nhớ. Nhớ những con người tốt đẹp. Nhớ cô Mai. Nhớ cô Loan. Nhớ quê hương thân yêu. Nhớ như anh Dũng nhớ cô Loan những ngày xa nhau, ngay cả lúc anh đang ngồi bên một người bạn chiến đấu.

“Tiếng nhạc ngựa ở đâu vẳng tới, ròn và vui trong sự yên tĩnh của buổi chiều. Trước mặt hai người, về phía bên kia,

ánh đèn nhà ai mới thấp, yếu ớt trong sương, trông như nổi nhớ xa xôi đương mờ dần”...

NGUYỄN THỊ VINH

(Paris, Ngày Tự Lực Văn Đoàn,
27 tháng 11 năm 1994).

